

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:54/2018/DS-ST

Ngày:24-7-2018.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
góp hui.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường
2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:
Bà Trần Thị Phụng Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:32/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:43/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt bà H; vắng mặt bà D, chị N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự có ý kiến như sau:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày: Bà có tham gia 04 dây hui do bà Huỳnh Thị Mỹ D làm chủ thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Hui 1.000.000đồng/phần, hui khui vào ngày 25/6/2014 (âm lịch), hui một tháng khui một lần, gồm 34 phần, bà tham gia 02 phần, đóng hui sống đến kỳ thứ 32 thì bà D ngưng hui, dây hui này bà D nợ bà số tiền hui là $700.000\text{đồng} \times 32 \text{ kỳ} = 44.800.000\text{đồng}$.

Dây 2: Hui 1.000.000đồng/phần, hui khui vào ngày 05/11/2015 (âm lịch), hui một tháng khui một lần, gồm 37 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hui sống đến kỳ thứ 15 thì bà D ngưng hui, dây hui này bà D nợ bà số tiền hui là $700.000\text{đồng} \times 15 \text{ kỳ} = 10.500.000\text{đồng}$.

Dây 3: Hui 1.000.000đồng/phần, hui khui vào ngày 30/12/2015 (âm lịch), hui một tháng khui một lần, gồm 38 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hui sống đến kỳ thứ 13 thì bà D ngưng hui, dây hui này bà D nợ bà số tiền hui là $700.000\text{đồng} \times 13 \text{ kỳ} = 9.100.000\text{đồng}$.

Dây 4: Hui 1.000.000đồng/phần, hui khui vào ngày 10/11/2016 (âm lịch), hui một tháng khui một lần, gồm 33 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hui sống đến kỳ thứ 03 thì bà D ngưng hui, dây hui này bà D nợ bà số tiền hui là $700.000\text{đồng} \times 03 \text{ kỳ} = 2.100.000\text{đồng}$.

Tổng cộng 04 dây hui bà D còn nợ bà số tiền hui là 66.500.000đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà D trả nhưng bà D không trả và bỏ trốn khỏi địa phương. Nay bà yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ D trả số tiền hui 66.500.000đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ bà Huỳnh Thị Mỹ D nhiều lần nhưng bà D vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Yên N trình bày:

Chị là con ruột của bà Nguyễn Thị Ánh H, bà H có tham gia dây hui do bà Huỳnh Thị Mỹ D làm chủ thảo, hui 1.000.000đồng/phần khui ngày 25/6/2014 (âm lịch), dây hui này bà H tham gia 02 phần nên bà H mượn tên của chị để bà D ghi vào danh sách hui, 01 phần ghi tên 9 Đ, 01 phần ghi tên D 9 Đ, phần hui ghi tên D 9 Đ cũng là của bà H trực tiếp tham gia không phải chị tham gia. Nay bà H yêu cầu bà D trả tiền góp hui trong dây hui này chị không có ý kiến tùy Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Huỳnh Thị Mỹ D. Bà H yêu cầu bà D trả số tiền hui 66.500.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Yến N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H, buộc bà Huỳnh Thị Mỹ D trả cho bà Nguyễn Thị Ánh H số tiền hui 66.500.000đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ánh H yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ D trả cho bà số tiền hui 66.500.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Yến N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh H yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ D trả số tiền hui 66.500.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận hợp đồng góp hui giữa hai bên tuy không có xác lập bằng văn bản nhưng có danh sách hui của 04 dây hui (bút lục số 12-15) và lời khai của những người làm chứng thể hiện bà H có tham gia hui do bà D làm chủ thảo nên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng góp hui giữa bà Nguyễn Thị Ánh H và bà Huỳnh Thị Mỹ D là có thật. Lời khai của những người làm chứng là những người cùng tham gia chung dây hui với bà H đều xác định bà H có tham gia hui của bà Huỳnh Thị Mỹ D làm chủ thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Người làm chứng là ông Phạm Văn N (7 N), bà Dương Thị T (7 L) xác định bà Nguyễn Thị Ánh H có tham gia hui do bà Huỳnh Thị Mỹ D làm chủ

thảo, hội 1.000.000đồng/phần, hội khai vào ngày 25/6/2014 (âm lịch), hội một tháng khai một lần, gồm 34 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H chưa hết hội, đóng hội đến kỳ thứ 32 thì bà D ngưng hội.

Dây 2: Người làm chứng là bà Nguyễn Thị L (6 L), bà Nguyễn Thị H (Út L), ông Phạm Văn N (7 N) xác định bà Nguyễn Thị Ánh H có tham gia hội do bà Huỳnh Thị Mỹ D làm chủ thảo, hội 1.000.000đồng/phần, hội khai vào ngày 05/11/2015 (âm lịch), hội một tháng khai một lần, gồm 37 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H chưa hết hội, đóng hội sống đến kỳ thứ 15 thì bà D ngưng hội.

Dây 3: Người làm chứng là bà Ngô Thị Bé T (Út T), bà Phan Thị B (2 B) xác định bà Nguyễn Thị Ánh H có tham gia hội do bà Huỳnh Thị Mỹ D làm chủ thảo, hội 1.000.000đồng/phần, hội khai vào ngày 30/12/2015 (âm lịch), hội một tháng khai một lần, gồm 38 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H chưa hết hội, đóng hội sống đến kỳ thứ 13 thì bà D ngưng hội.

Dây 4: Người làm chứng là bà Nguyễn Thị L (6 L), bà Đoàn Thị G (6 L) xác định bà Nguyễn Thị Ánh H có tham gia hội do bà Huỳnh Thị Mỹ D làm chủ thảo, hội 1.000.000đồng/phần, hội khai vào ngày 10/11/2016 (âm lịch), hội một tháng khai một lần, gồm 33 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H chưa hết hội, đóng hội sống đến kỳ thứ 03 thì bà D ngưng hội.

Tất cả những người làm chứng gồm bà Ngô Thị Bé T (Út T), bà Nguyễn Thị L (6 L), bà Nguyễn Thị H (Út L), ông Phạm Văn N (7 N), bà Phan Thị B (2 B), bà Đoàn Thị G (6 L), bà Dương Thị T (7 L) đều xác định hội bề vào tháng 02/2017 (âm lịch) và số tiền đóng hội bình quân mỗi tháng đối với loại hội 1.000.000đồng/phần là 700.000đồng nên bà H yêu cầu bà D trả số tiền hội sống bà đã góp mỗi tháng 700.000đồng/01 phần hội 1.000.000đồng là có căn cứ. Đối với dây hội số 01, hội 1.000.000đồng, khai ngày 25/6/2014 (âm lịch), bà H (9 Đ) tham gia 02 phần trong danh sách hội ghi tên bà 9 Đ tham gia 01 phần và D 9 Đ tham gia 01 phần, bà H (9 Đ) và chị N (D) đều xác định phần hội ghi tên D 9 Đ là của bà H tham gia. Do vậy tổng số tiền bà H đã góp hội của 04 dây hội là:

Dây 1: Hội 1.000.000đồng/phần, hội khai vào ngày 25/6/2014 (âm lịch):
 $700.000\text{đồng} \times 32 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} = 44.800.000\text{đồng}.$

Dây 2: Hội 1.000.000đồng/phần, hội khai vào ngày 05/11/2015 (âm lịch):
 $700.000\text{đồng} \times 15 \text{ kỳ} = 10.500.000\text{đồng}.$

Dây 3: Hội 1.000.000đồng/phần, hội khai vào ngày 30/12/2015 (âm lịch):
 $700.000\text{đồng} \times 13 \text{ kỳ} = 9.100.000\text{đồng}.$

Dây 4: Hội 1.000.000đồng/phần, hội khai vào ngày 10/11/2016 (âm lịch):
 $700.000\text{đồng} \times 03 \text{ kỳ} = 2.100.000\text{đồng}.$

Tổng cộng là 66.500.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà H đã góp hội đầy đủ cho chủ hội là bà D, hội bị bề nhưng bà D không thực hiện việc trả tiền hội cho bà H là vi phạm hợp đồng góp hội, nghĩa vụ của chủ hội theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự nên bà H yêu cầu bà D trả số tiền hội 66.500.000đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về phương thức trả nợ, thời hạn trả nợ: Bà Nguyễn Thị Ánh H yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ D trả số tiền hui 66.500.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà Huỳnh Thị Mỹ D đã vi phạm hợp đồng góp hui, nghĩa vụ của chủ hui và bà H đã nhiều lần yêu cầu bà D trả tiền hui nhưng bà D không trả mà còn cố tình trốn tránh làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H. Do vậy, bà H yêu cầu bà D trả một lần toàn bộ số tiền hui còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ánh H, bà Huỳnh Thị Mỹ D, chị Nguyễn Thị Yến N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh H.
 - Buộc bà Huỳnh Thị Mỹ D trả cho bà Nguyễn Thị Ánh H số tiền hui 66.500.000đồng (sáu mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.
 - Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ánh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Huỳnh Thị Mỹ D chậm thi hành việc trả tiền thì bà D còn phải trả thêm số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - Bà Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu 3.325.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.
 - Bà Nguyễn Thị Ánh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Ánh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.662.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 19161 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Ánh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Huỳnh Thị Mỹ D, chị Nguyễn Thị Yên N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương